

KHÓ KHĂN TÂM LÝ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG Ở NGƯỜI BỆNH CHẠY THẬN NHÂN TẠO TẠI BỆNH VIỆN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Tú Quỳnh
Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt: Chạy thận nhân tạo là một quá trình điều trị lâu dài, ảnh hưởng sâu sắc đến thể chất và tâm lý của người bệnh. Nghiên cứu này nhằm xác định mức độ khó khăn tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng ở người bệnh đang điều trị chạy thận nhân tạo tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng phương pháp khảo sát định lượng kết hợp phân tích ANOVA, nghiên cứu đã thu thập dữ liệu từ 90 người bệnh đang điều trị tại cơ sở y tế. Kết quả cho thấy 80% người bệnh cảm thấy căng thẳng, lo lắng trong quá trình điều trị; 60% lo lắng về chi phí điều trị và 33,3% chịu áp lực từ tình trạng bệnh kéo dài. Đáng chú ý, 96,7% người bệnh tự đánh giá tình trạng tâm lý của mình ở mức “không tốt”. Phân tích ANOVA cho thấy giới tính và độ tuổi có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ căng thẳng tâm lý, trong khi thời gian điều trị và thu nhập không tạo ra khác biệt rõ rệt. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình hỗ trợ tâm lý, đặc biệt hướng đến nhóm người bệnh nữ và cao tuổi, nhằm nâng cao chất lượng sống và khả năng thích ứng trong điều trị lâu dài.

Từ khóa: Khó khăn tâm lý; Chạy thận nhân tạo; Người bệnh mãn tính; Yếu tố ảnh hưởng; Hỗ trợ tâm lý

PSYCHOLOGICAL DISTRESS AND INFLUENCING FACTORS AMONG HEMODIALYSIS PATIENTS AT BINH THANH DISTRICT HOSPITAL, HO CHI MINH CITY

Pham Tu Quynh
Vietnam Women's Academy

Abstract: Hemodialysis is a long-term treatment process that significantly affects both the physical and psychological well-being of patients. This study aims to identify the psychological difficulties and related influencing factors among patients undergoing hemodialysis at Binh Thanh District Hospital, Ho Chi Minh City. Using a quantitative survey method combined with ANOVA analysis, data were collected from 90 patients currently receiving treatment at the facility. Findings revealed that 80% of patients reported experiencing stress and anxiety during treatment; 60% were concerned about treatment costs, and 33.3% felt stressed due to their chronic health condition. Notably, 96.7% of patients self-assessed their mental state as “not good.” ANOVA results indicated that gender and age significantly influenced the level of psychological distress, while treatment duration and income showed no significant differences. The study underscores the urgent need for psychological support programs, particularly targeting female and elderly patients, to improve quality of life and resilience during long-term treatment.

Keywords: Psychological distress; Hemodialysis; Chronic patients; Influencing factors; Psychological support.

Nhận bài: 12/06/2025

Phản biện: 12/07/2025

Duyệt đăng: 16/07/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy thận mạn là một trong những bệnh lý mãn tính nguy hiểm với tỷ lệ mắc ngày càng gia tăng trên toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Theo thống kê, tỷ lệ mắc bệnh suy thận mạn ở Việt Nam lên tới 6,73% dân số, với hơn 800.000 người cần điều trị suốt đời bằng phương pháp chạy thận nhân tạo (CTNT) (Hoàng Giang và cộng sự, 2021). Đây là một quá trình điều trị phức tạp, đòi hỏi người bệnh phải gắn bó với bệnh viện từ hai đến ba lần mỗi tuần, kéo dài suốt đời. Bên cạnh những khó khăn về thể chất và tài chính, người bệnh chạy thận còn phải đối mặt với hàng loạt thách thức tâm lý nghiêm trọng.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, người bệnh CTNT thường xuyên trải qua trạng thái lo âu, trầm cảm, căng thẳng kéo dài, và cảm giác bị cô lập khỏi các mối quan hệ xã hội, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến

chất lượng sống, đặc biệt là ở khía cạnh sức khỏe tinh thần (Nguyễn Thị Tuyết Mai và Nguyễn Thị Thanh Nhã., 2021). Tình trạng này càng nghiêm trọng hơn đối với các nhóm người bệnh có thu nhập thấp, ít được hỗ trợ từ gia đình hoặc cộng đồng, và không được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ hỗ trợ tâm lý trong hệ thống y tế.

Tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng bệnh nhân CTNT đang gia tăng nhanh chóng, với phần lớn người bệnh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Mặc dù bệnh viện và các tổ chức liên quan đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ về mặt vật chất, tài chính và bảo hiểm y tế, thì các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần vẫn còn rất hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu nhân lực chuyên môn, thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, cũng như sự thiếu quan tâm đúng mức

đối với nhu cầu hỗ trợ tâm lý – một nhu cầu có thật nhưng thường xuyên bị xem nhẹ trong quá trình điều trị y tế.

Trước thực trạng đó, nghiên cứu tập trung vào việc tìm hiểu các khó khăn tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng tâm thần của người bệnh CTNT tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh. Việc lựa chọn hướng tiếp cận hỗ trợ tâm lý, thay vì các hình thức hỗ trợ khác, bắt nguồn từ nhận định rằng đây là yếu tố then chốt giúp người bệnh duy trì sự ổn định tinh thần, giảm cảm giác cô lập, tăng khả năng tuân thủ điều trị và cải thiện chất lượng sống tổng thể. Các hình thức can thiệp của công tác xã hội trong bệnh viện – như tham vấn tâm lý cá nhân và nhóm, hoặc tư vấn trực tuyến – được xem là giải pháp thiết thực và phù hợp trong bối cảnh hiện nay, nhằm thu hẹp khoảng trống trong chăm sóc sức khỏe toàn diện cho nhóm người bệnh đặc thù này.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khó khăn tâm lý của người bệnh chạy thận nhân tạo tại bệnh viện quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

CTNT là một quá trình điều trị suốt đời, đòi hỏi người bệnh phải gắn bó với bệnh viện hai đến ba lần mỗi tuần để duy trì sự sống. Ngoài những khó khăn về thể chất, người bệnh còn phải đối mặt với những áp lực tâm lý nặng nề do tình trạng bệnh kéo dài, chi phí điều trị cao và sự thay đổi trong cuộc sống hằng ngày. Kết quả khảo sát tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: Có 60% người bệnh lo lắng về chi phí điều trị, dù đã có bảo hiểm y tế (BHYT). Mặc dù BHYT hỗ trợ phần lớn chi phí lọc máu, nhưng các khoản chi ngoài danh mục bảo hiểm như thuốc hỗ trợ, chi phí đi lại, ăn uống và sinh hoạt hằng ngày vẫn là gánh nặng lớn. Điều này làm gia tăng áp lực tài chính, khiến nhiều người bệnh không chỉ lo lắng về sức khỏe mà còn bận tâm đến việc liệu họ có thể tiếp tục điều trị trong dài hạn hay không.

Ngoài ra, 33.3% người bệnh cảm thấy “căng thẳng” do tình trạng bệnh. Việc phải sống phụ thuộc vào máy móc để duy trì sự sống, đối diện với nguy cơ biến chứng, suy giảm sức khỏe và không có khả năng phục hồi khiến người bệnh luôn ở trong trạng thái lo âu. Đặc biệt, nhóm người bệnh lớn tuổi thường có mức độ căng thẳng cao hơn, do họ phải đối mặt với sự suy giảm thể chất nghiêm trọng hơn, ít cơ hội phục hồi hơn và áp lực từ tuổi già.

Bên cạnh đó, chỉ 3.3% người bệnh bị ảnh hưởng

bởi vấn đề gia đình. Điều này cho thấy, phần lớn người bệnh tập trung lo lắng vào sức khỏe và tài chính hơn là những áp lực từ môi trường xung quanh. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, sự mệt mỏi của người thân, áp lực chăm sóc người bệnh hoặc gánh nặng tài chính chung của gia đình cũng có thể tạo thêm căng thẳng gián tiếp cho người bệnh. Một số 3.3% người bệnh khác có nguyên nhân căng thẳng khác, có thể bao gồm cảm giác cô đơn, mất kết nối xã hội, suy giảm thể chất hoặc những áp lực tâm lý cá nhân khác.

So sánh với một số nghiên cứu khác, tình trạng căng thẳng tâm lý ở người bệnh CTNT tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh cao hơn mặt bằng chung. Cụ thể, nghiên cứu tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương năm 2021 cho thấy 5.9% người bệnh CTNT có rối loạn lo âu, 13.1% có trầm cảm (Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, 2021). Trong khi đó, tại Bệnh viện Tâm Anh, khoảng 50% người bệnh có dấu hiệu rối loạn lo âu, 10-20% có trầm cảm, đặc biệt ở nhóm trên 60 tuổi (Bệnh viện Tâm Anh, 2021). Như vậy, tỷ lệ 80% người bệnh tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh cảm thấy căng thẳng là rất cao, đặt ra nhu cầu cấp thiết về hỗ trợ tâm lý và can thiệp của công tác xã hội.

Dù 83.3% người bệnh đã nhận được hỗ trợ tâm lý từ bệnh viện hoặc các tổ chức khác, vẫn còn 13.3% chưa tiếp cận được dịch vụ này. Đây là một con số đáng chú ý, phản ánh rằng công tác hỗ trợ tâm lý chưa được thực hiện đồng đều, chưa đến được với tất cả người bệnh. Nguyên nhân do thiếu nhân viên công tác xã hội, chưa có chương trình hỗ trợ tâm lý chuyên sâu, hoặc người bệnh chưa biết đến các dịch vụ này.

Ở nhiều quốc gia phát triển, người bệnh CTNT được hỗ trợ tâm lý thông qua các chương trình can thiệp chuyên sâu, nhóm hỗ trợ cộng đồng, và tư vấn cá nhân hóa. Tại Hoa Kỳ, các bệnh viện có đội ngũ chuyên gia tâm lý và công tác xã hội đã giúp giảm tỷ lệ người bệnh bỏ điều trị do căng thẳng tinh thần xuống dưới 30% (National Kidney Foundation, 2018). Điều này cho thấy, nếu có hệ thống hỗ trợ tâm lý mạnh mẽ hơn, mức độ lo lắng, căng thẳng của người bệnh CTNT có thể được kiểm soát tốt hơn.

Một trong những con số đáng quan tâm nhất trong khảo sát này là 96.7% người bệnh tự đánh giá tình trạng tâm lý của mình là “không tốt”. Cụ thể: Chỉ 6.7% người bệnh cho rằng tinh thần rất tốt, 6.7% cảm thấy tốt; 33.3% ở mức bình thường, nghĩa là họ không quá căng thẳng nhưng cũng

không có tâm lý tích cực. Tỷ lệ “không tốt” lên đến 96.7%, cho thấy mức độ căng thẳng, lo âu vẫn chiếm ưu thế dù đã có một số hình thức hỗ trợ tâm lý.

Mối quan hệ giữa: “giới tính”, “độ tuổi” “thời gian điều trị” và “thu nhập” ảnh hưởng đến tình

trạng căng thẳng, lo lắng trong quá trình điều trị.

Kết quả kiểm định One-Way ANOVA được sử dụng để đánh giá mối quan hệ giữa các yếu tố đặc điểm khách thể (giới tính, tuổi, thời gian chạy thận, thu nhập) và mức độ căng thẳng của người bệnh, dựa trên giá trị F và Sig. (p-value):

Bảng: Kết quả kiểm định ANOVA mối liên hệ giữa đặc điểm khách thể với khó khăn tâm lý người bệnh CTNT

Đặc điểm khách thể	F	Sig
Giới tính	4.632	.034
Độ tuổi	6.756	.001
Thời gian điều trị	.319	.574
Thu nhập	1.533	.219
- Sig. < 0.05, có nghĩa là có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm		
- Sig. > 0.05, có nghĩa là không có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm, tức là dữ liệu không có ý nghĩa thống kê.		

(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2025)

Kết quả kiểm định ANOVA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ căng thẳng của nam và nữ với $F = 4.632$ và $Sig. = 0.034$ (< 0.05). Điều này chứng tỏ giới tính có ảnh hưởng đến mức độ căng thẳng của người bệnh CTNT, cụ thể: nữ giới có xu hướng lo lắng và căng thẳng hơn nam giới. Nhiều nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng phụ nữ thường có xu hướng chịu căng thẳng tâm lý cao hơn nam giới, đặc biệt trong các nhóm người bệnh mắc bệnh mãn tính. Nguyên nhân đến từ đặc điểm tâm lý nhạy cảm hơn, lo lắng về sức khỏe, gánh nặng tài chính, cũng như áp lực từ gia đình. Hơn nữa, phụ nữ thường là người chăm sóc gia đình, nên khi mắc bệnh cần điều trị lâu dài, họ có thể cảm thấy bất lực, mất đi vai trò trong gia đình, từ đó gia tăng áp lực tinh thần.

Một trong những phát hiện quan trọng khác: độ tuổi có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ căng thẳng, với $F = 6.756$ và $Sig. = 0.011$ (< 0.05). Điều này cho thấy người bệnh lớn tuổi có xu hướng lo lắng nhiều hơn so với người bệnh trẻ tuổi. Nguyên nhân do nhóm người bệnh cao tuổi phải đối mặt với sự suy giảm sức khỏe, nguy cơ biến chứng cao hơn và ít cơ hội phục hồi hơn. Hơn nữa, nhiều người bệnh lớn tuổi cũng có ít sự hỗ trợ tài chính hơn, làm gia tăng áp lực tâm lý. Trong khi đó, người bệnh trẻ tuổi có tinh thần thích nghi tốt hơn, ít lo lắng hơn về sức khỏe và có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm hỗ trợ tài chính hoặc chăm sóc từ gia đình. So sánh với các nghiên cứu trước đó, tỷ lệ lo âu cao ở nhóm người bệnh cao tuổi cũng được ghi nhận tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

(TP.HCM) năm 2021, với 5.9% người bệnh chạy thận có rối loạn lo âu và 13.1% bị trầm cảm. Tại Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh (TP.HCM), khoảng 50% người bệnh chạy thận có dấu hiệu rối loạn lo âu và 10-20% có biểu hiện trầm cảm, đặc biệt ở nhóm trên 60 tuổi. Điều này cho thấy việc hỗ trợ tâm lý cần tập trung hơn vào nhóm người bệnh cao tuổi, giúp họ giảm bớt áp lực và duy trì tinh thần tích cực trong quá trình điều trị.

Một kết quả đáng chú ý khác là không có sự khác biệt đáng kể về mức độ căng thẳng giữa các nhóm người bệnh có thời gian chạy thận khác nhau, với $F = 0.319$ và $Sig. = 0.574$ (> 0.05). Điều này có nghĩa là dù người bệnh mới bắt đầu chạy thận hay đã điều trị trong nhiều năm, mức độ căng thẳng của họ không có sự khác biệt rõ rệt. Nguyên nhân đến từ việc người bệnh chạy thận nhân tạo đều phải đối diện với thực tế điều trị suốt đời, khiến họ luôn có một mức độ căng thẳng nhất định, bất kể thời gian điều trị đã kéo dài bao lâu. Mặc dù một số người bệnh có thể đã quen với quá trình điều trị, nhưng các yếu tố như gánh nặng tài chính, nguy cơ biến chứng, và sự phụ thuộc vào máy móc vẫn duy trì mức độ căng thẳng cao. Điều này cho thấy công tác hỗ trợ tâm lý cần được thực hiện liên tục, không chỉ cho người bệnh mới mà cả những người đã điều trị lâu năm.

Một yếu tố khác được kiểm định là thu nhập của người bệnh, với kết quả $F = 1.533$ và $Sig. = 0.219$ (> 0.05), cho thấy mức độ căng thẳng không có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm người bệnh có mức thu nhập khác nhau. Nguyên

nhân có thể là do phần lớn người bệnh chạy thận đều thuộc nhóm thu nhập thấp hoặc không có thu nhập ổn định, nên mức độ căng thẳng giữa các nhóm không có sự chênh lệch rõ rệt. Ngoài ra, nhiều người bệnh nhận được sự hỗ trợ từ BHYT, gia đình, các tổ chức từ thiện, giúp họ duy trì điều trị dù không có thu nhập ổn định. Mặc dù kết quả cho thấy thu nhập không ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ căng thẳng, nhưng không có nghĩa là gánh nặng tài chính không quan trọng. Như đã phân tích trước đó, 60% người bệnh lo lắng về chi phí điều trị, do đó việc mở rộng các chương trình hỗ trợ tài chính cho nhóm bệnh nhân này vẫn là một yếu tố cần thiết để giúp người bệnh yên tâm điều trị.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các hoạt động hỗ trợ tâm lý cho người bệnh điều trị CTNT trong bệnh viện, cần lưu ý cá nhân hóa theo nhóm đối tượng, giúp người bệnh duy trì tinh thần lạc quan và cải thiện chất lượng sống trong quá trình điều trị chạy thận nhân tạo.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng khó khăn tâm lý mà người bệnh CTNT đang gặp phải tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người bệnh cảm thấy căng thẳng, lo lắng trong quá trình điều trị; đặc biệt, có đến 96,7% người bệnh tự đánh giá

tình trạng tâm lý của mình là “không tốt”. Những áp lực lớn nhất đến từ chi phí điều trị kéo dài, tình trạng bệnh không thể hồi phục và cảm giác phụ thuộc vào máy móc để duy trì sự sống.

Phân tích ANOVA cho thấy hai yếu tố giới tính và độ tuổi có ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ căng thẳng tâm lý. Phụ nữ và người bệnh cao tuổi có xu hướng lo lắng nhiều hơn so với các nhóm khác. Trong khi đó, thời gian điều trị và thu nhập không tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, cho thấy căng thẳng tâm lý có thể tồn tại ở mọi giai đoạn điều trị và không phụ thuộc nhiều vào khả năng tài chính, vốn đã thấp ở phần lớn người bệnh.

Từ những phát hiện trên, có thể khẳng định rằng hỗ trợ tâm lý là một nhu cầu thiết yếu và cần được ưu tiên trong quá trình chăm sóc toàn diện cho người bệnh CTNT. Việc triển khai các hình thức hỗ trợ như tham vấn cá nhân, trị liệu nhóm, và tư vấn trực tuyến không chỉ giúp người bệnh ổn định tinh thần, mà còn góp phần nâng cao khả năng hợp tác điều trị và chất lượng sống lâu dài. Nghiên cứu này là cơ sở thực tiễn quan trọng để các bệnh viện, tổ chức y tế và nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện xây dựng các chương trình can thiệp phù hợp, đặc biệt hướng đến các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ và người cao tuổi đang điều trị chạy thận nhân tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. (2021). *Báo cáo kết quả sàng lọc tình trạng sức khỏe tâm thần ở bệnh nhân chạy thận nhân tạo nội trú*. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Bệnh viện Tâm Anh. (2021). *Thống kê tỷ lệ rối loạn lo âu và trầm cảm ở bệnh nhân suy thận mạn trên 60 tuổi*. Hà Nội, Việt Nam.
- Hoàng Giang, & các cộng sự. (2021). Nghiên cứu đặc điểm người bệnh chạy thận nhân tạo tại 26 bệnh viện của Hà Nội năm 2020. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 63(5).
- Nguyễn Thị Tuyết Mai, & Nguyễn Thị Thanh Nhã. (2021). Đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh chạy thận nhân tạo tại Hà Nội. *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, 27(4).